

Số: ~~1616~~/UBND-TH

Bình Định, ngày 04 tháng 4 năm 2019

V/v báo cáo tình hình  
thực hiện vốn NSNN do  
Trung ương hỗ trợ năm  
2018 và kéo dài thực hiện  
giải ngân sang năm 2019

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2014; Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau và Công văn số 1342/BKHĐT-TH ngày 05/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đẩy mạnh việc thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2018 và kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện giải ngân, như sau:

1. Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 565.946 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 561.319,353 triệu đồng, kế hoạch còn lại kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện, giải ngân là 4.626,646 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg: Kế hoạch vốn giao 73.656 triệu đồng, thực hiện giải ngân 73.656 triệu đồng.

- Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 197.290 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 193.207,037 triệu đồng, kế hoạch còn lại kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện, giải ngân là 4.082,963 triệu đồng.

- Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 295.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 294.456,316 triệu đồng, kế hoạch còn lại kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện, giải ngân là 543,683 triệu đồng.

2. Vốn Trung ương bổ sung trong năm (Vốn dự phòng ngân sách Trung ương): Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 115.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 1.097,331 triệu đồng, kế hoạch còn lại kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện, giải ngân là 113.902,669 triệu đồng.

3. Vốn Trái phiếu Chính phủ: Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 352.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 180.396,186 triệu đồng, kế hoạch còn lại kéo dài sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện, giải ngân là 171.603,814 triệu đồng.

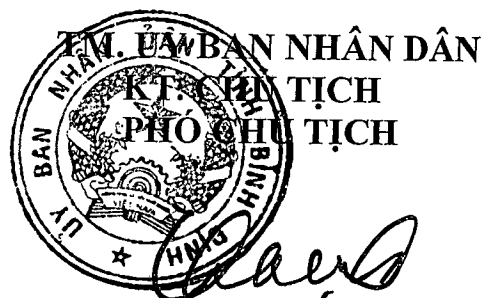
4. Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 là 769.934 triệu đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2018 là 654.896,788 triệu đồng, kế hoạch vốn còn lại Chính phủ chưa nhận nợ và chưa giải ngân là 115.037,211 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết đính kèm)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./. *TC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K1. *me*



Phan Cao Thắng

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2018 VÀ CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2018 SANG NĂM 2019**

(Kêu gọi Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

| STT              | Chương trình/Danh mục                                                                                                                                                       | Kế hoạch vốn năm 2018    | Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm | Kế hoạch vốn còn lại chuyển sang năm 2019 tiếp tục thực hiện | Kế hoạch vốn còn lại Chính phủ chưa nhận nợ và chưa giải ngân | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                                                                             | <b>1.802.880.000.000</b> | <b>1.397.709.658.949</b>               | <b>290.133.129.563</b>                                       | <b>115.037.211.488</b>                                        |         |
| <b>A</b>         | <b>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU</b>                                                                                                                                  | <b>565.946.000.000</b>   | <b>561.319.353.437</b>                 | <b>4.626.646.563</b>                                         |                                                               |         |
| <b>I</b>         | <b>CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG THEO QĐ 22/QĐ-TTg</b>                                                                                                        | <b>73.656.000.000</b>    | <b>73.656.000.000</b>                  |                                                              |                                                               |         |
| <b>II</b>        | <b>Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</b>                                                                                                                                   | <b>197.290.000.000</b>   | <b>193.207.037.000</b>                 | <b>4.082.963.000</b>                                         |                                                               |         |
| 1                | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới                                                                                                                                    | 90.500.000.000           | 87.006.375.000                         | 3.493.625.000                                                |                                                               |         |
| 2                | Chương trình 30a                                                                                                                                                            | 71.161.000.000           | 71.086.108.000                         | 74.892.000                                                   |                                                               |         |
| 3                | Chương trình 135                                                                                                                                                            | 35.629.000.000           | 35.114.554.000                         | 514.446.000                                                  |                                                               |         |
| <b>III</b>       | <b>Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu</b>                                                                                                                                    | <b>295.000.000.000</b>   | <b>294.456.316.437</b>                 | <b>543.683.563</b>                                           |                                                               |         |
| 1                | Thu hồi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định 40/2015/QĐ-TTg                                           | 67.400.000.000           | 67.400.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội                                                                                                                                               | 67.400.000.000           | 67.400.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 2                | Đầu tư phát triển Hạ tầng khu Du lịch                                                                                                                                       | 21.000.000.000           | 21.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Đường từ Quốc lộ 1A đến khu di tích danh nhân văn hóa Đào Duy Từ                                                                                                            | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Đường vào các lò vôi và di tích trên địa bàn tỉnh (thực hiện giai đoạn 1: 41 tỷ đồng)                                                                                       | 6.000.000.000            | 6.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1). | 10.000.000.000           | 10.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 3                | Đầu tư theo Nghị Quyết 39/BCT                                                                                                                                               | 117.524.000.000          | 117.450.356.000                        | 73.644.000                                                   |                                                               |         |
|                  | Kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh Bình Định                                                                                                                                      | 10.000.000.000           | 10.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.640 (đoạn từ ngã 3 QL1A đến cuối thị trấn Tuy Phước) (Thực hiện gđ1: 80 tỷ đồng)                                                                 | 12.500.000.000           | 12.500.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học                                                                | 45.524.000.000           | 45.450.356.000                         | 73.644.000                                                   |                                                               |         |
|                  | Đường cứu hộ cứu nạn từ QL 1A đến giáp đường ĐT639 (đường ven biển)                                                                                                         | 12.500.000.000           | 12.500.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580)                                                                                                                   | 37.000.000.000           | 37.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 4                | Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững                                                                                                                  | 10.000.000.000           | 9.816.434.000                          | 183.566.000                                                  |                                                               |         |
|                  | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn                                                                                                                    | 5.000.000.000            | 4.816.434.000                          | 183.566.000                                                  |                                                               |         |
|                  | Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ                                                                                                     | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
| 5                | Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững                                                                                                                        | 15.000.000.000           | 14.713.526.437                         | 286.473.563                                                  |                                                               |         |
|                  | Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Văn Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn                                            | 10.000.000.000           | 9.713.526.437                          | 286.473.563                                                  |                                                               |         |
|                  | Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Đường lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định (thực hiện giai đoạn 1: 80 tỷ đồng)                                                                   | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
| 6                | Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư                                                             | 16.000.000.000           | 16.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Khu TĐC vùng thiên tai Bàu Rong                                                                                                                                             | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu Bình Định                                                                                                                                       | 11.000.000.000           | 11.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 7                | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KKT cửa khẩu, KCN, Cụm CN, Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng cao                                               | 30.076.000.000           | 30.076.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Khu xử lý chất thải rắn phục vụ khu Kinh tế Nhơn Hội                                                                                                                        | 3.538.000.000            | 3.538.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Đường chuyên dụng phía Tây Khu Kinh tế Nhơn Hội (GĐ1)                                                                                                                       | 76.000.000               | 76.000.000                             |                                                              |                                                               |         |
|                  | Đường trục khu kinh tế nối dài (Giai đoạn 1)                                                                                                                                | 26.462.000.000           | 26.462.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 8                | Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa                                                                                                                                    | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung                                                                                                                                       | 5.000.000.000            | 5.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
| 9                | Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương                                                                                                            | 10.000.000.000           | 10.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
|                  | Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn                                                                                                                                  | 10.000.000.000           | 10.000.000.000                         |                                                              |                                                               |         |
| 10               | Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm                                                                                                           | 3.000.000.000            | 3.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
|                  | Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Bình Định                                                                                        | 3.000.000.000            | 3.000.000.000                          |                                                              |                                                               |         |
| <b>B</b>         | <b>VỐN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG TRONG NĂM</b>                                                                                                                                     | <b>115.000.000.000</b>   | <b>1.097.331.000</b>                   | <b>113.902.669.000</b>                                       |                                                               |         |
| 1                | Vốn dự phòng NSTW 2018 (QĐ 1207/QĐ-TTg ngày 19/9/2018)                                                                                                                      | 25.000.000.000           | 1.097.331.000                          | 23.902.669.000                                               |                                                               |         |
|                  | Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương                                                                                                                                             | 6.000.000.000            | 199.667.000                            | 5.800.333.000                                                |                                                               |         |
|                  | Sửa chữa cấp bách hồ Thiết Định                                                                                                                                             | 6.000.000.000            | 189.973.000                            | 5.810.027.000                                                |                                                               |         |

| STT | Chương trình/Danh mục                                                                                                                           | Kế hoạch vốn giao trong năm 2018 | Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm | Kế hoạch vốn còn lại chuyển sang năm 2019 tiếp tục thực hiện | Kế hoạch vốn còn lại Chính phủ chưa nhận nợ và chưa giải ngân | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
|     | Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Chánh Thuận                                                                                                      | 6.000.000.000                    | 199.397.000                            | 5.800.603.000                                                |                                                               |         |
|     | Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận                                                                                                        | 7.000.000.000                    | 508.294.000                            | 6.491.706.000                                                |                                                               |         |
| 2   | Vốn dự phòng NSTW 2018 (QĐ 1887/QĐ-TTg ngày 30/12/2018)                                                                                         | 35.000.000.000                   | -                                      | 35.000.000.000                                               |                                                               |         |
|     | Xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn                                                                                                                  | 15.000.000.000                   | -                                      | 15.000.000.000                                               |                                                               |         |
|     | Cửa Tam Quan - Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định                                                                                               | 15.000.000.000                   | -                                      | 15.000.000.000                                               |                                                               |         |
|     | Cửa An Dũ - Hoài Mỹ, Hoài Hương, Bình Định                                                                                                      | 5.000.000.000                    | -                                      | 5.000.000.000                                                |                                                               |         |
| 3   | Vốn dự phòng NSTW 2018 (QĐ 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018)                                                                                         | 55.000.000.000                   | -                                      | 55.000.000.000                                               |                                                               |         |
|     | Dự án Khu Tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn                                                                                                  | 15.000.000.000                   | -                                      | 15.000.000.000                                               |                                                               |         |
|     | Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diên Trì, huyện Tuy Phước                                                                                  | 40.000.000.000                   | -                                      | 40.000.000.000                                               |                                                               |         |
| C   | VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ                                                                                                                        | 352.000.000.000                  | 180.396.186.000                        | 171.603.814.000                                              |                                                               |         |
| 1   | Nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía tây tỉnh), Đoạn km113 - km145; phần đoạn km 137 + 580 đến km 143 + 787                                 | 305.000.000.000                  | 136.875.297.000                        | 168.124.703.000                                              |                                                               |         |
| 2   | Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo - giai đoạn 2017-2020, tỉnh Bình Định | 47.000.000.000                   | 43.520.889.000                         | 3.479.111.000                                                |                                                               |         |
| D   | VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI                                                                                        | 769.934.000.000                  | 654.896.788.512                        | -                                                            | 115.037.211.488                                               |         |
| 1   | Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện                                                                                                          | 25.000.000.000                   | 17.921.510.732                         | -                                                            | 7.078.489.268                                                 |         |
| 2   | Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II                                                                                              | 425.000.000.000                  | 394.037.541.780                        | -                                                            | 30.962.458.220                                                |         |
| 3   | Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)                                                                  | 134.934.000.000                  | 57.937.736.000                         | -                                                            | 76.996.264.000                                                |         |
| 4   | Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)                                                                                                    | 35.000.000.000                   | 35.000.000.000                         | -                                                            | -                                                             |         |
| 5   | Tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn                                                                                                        | 150.000.000.000                  | 150.000.000.000                        | -                                                            | -                                                             |         |